

Số: /TTr-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Địa chất và khoáng sản**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025; Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 8, theo đó, Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 3903/QĐ-BTNMT ngày 04/12/2024 thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định với đại diện của các Bộ, ngành có liên quan, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và đã xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đến nay dự thảo Nghị định đã hoàn thành, Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị pháp lý

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”.

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, nêu rõ: “Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; quán triệt và vận dụng có hiệu quả các nguyên tắc: người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi

trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”.

Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, nêu rõ quan điểm: đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển; đẩy mạnh kinh tế hóa nguồn vật lực, trong đó tập trung vào nguồn lực tài nguyên thiên nhiên; tất cả các nguồn lực được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững. Đồng thời, Nghị quyết cũng đưa ra các giải pháp như: sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực của đất nước; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp quản lý hiện đại,...

Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị nêu các giải pháp, nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, trong đó cần tập trung hoàn thiện chính sách pháp luật, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; hoàn thiện cơ chế để thực hiện minh bạch hóa *trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, đặc biệt đối với tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước.*

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ *“khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia (đất, nước, khoáng sản) theo nguyên tắc thị trường... Bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia và an toàn đập, hồ chứa nước; tăng cường hợp tác quốc tế về sử dụng nguồn nước xuyên biên giới”.*

Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2026 nêu giải pháp *đẩy mạnh rà soát, bổ sung hoàn thiện các quy định của pháp luật theo hướng vướng mắc ở cấp, ngành nào thì cấp ngành đó chủ động, tích cực sửa đổi, hoàn thiện, nghiên cứu khẩn trương sửa đổi, thay thế cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn để tháo gỡ điểm nghẽn và giải quyết những vấn đề tồn đọng gây thất thoát, lãng phí, bảo đảm tổng thể, toàn diện và sự thống nhất trong hệ thống pháp luật.*

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu rõ: *“Sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đất đai bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp, thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất lúa; khắc phục tình trạng bỏ hoang, làm thoái hoá đất; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền các cấp, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực.”*

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 tại Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu: *“Xây dựng khung pháp luật cho phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, các chính sách thí điểm, đặc thù cho các hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số và nền tảng số.”*

Như vậy, cần thiết phải cập nhật, thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về quản lý khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản. Trong đó, cần nghiên cứu, xây dựng Nghị định Quy định chi tiết một số Điều của Luật Địa chất và khoáng sản theo hướng hoàn thiện cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn để tháo gỡ điểm nghẽn và giải quyết những vấn đề bất cập, bảo đảm tổng thể, toàn diện và sự thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Tại Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 8, trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản với các nội dung, bao gồm:

Nghị định quy định chi tiết khoản 3 Điều 4, khoản 2 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 5 Điều 12, khoản 4 Điều 22, khoản 4 Điều 23, khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 29, khoản 2 Điều 30, khoản 10 Điều 33, khoản 5 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 40, khoản 3 Điều 42, khoản 4 Điều 43, khoản 5 Điều 44, khoản 2 Điều 45, khoản 4 Điều 46, điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 47, khoản 3 Điều 48, khoản 5 Điều 49, khoản 2 và khoản 5 Điều 50, khoản 3 Điều 51, khoản 5 Điều 52, khoản 4 Điều 53, khoản 5 Điều 54, khoản 3 Điều 55, khoản 2 Điều 57, khoản 4 Điều 58, khoản 3 Điều 59, khoản 9 Điều 60, khoản 5 Điều 61, khoản 6 Điều 62, khoản 5 Điều 64; khoản 3 Điều 65, khoản 6 Điều 66, khoản 3 Điều 67, khoản 2 Điều 69, khoản 5 Điều 70, khoản 5 Điều 71, khoản 5 Điều 73, khoản 2 Điều 74, khoản 6 Điều 75, khoản 3 Điều 78, khoản 7 Điều 83, khoản 4 Điều 84, khoản 4 Điều 86, khoản 5 Điều 87, khoản 3 Điều 88,

khoản 5 Điều 89, khoản 4 Điều 90, khoản 3 Điều 92, khoản 5 Điều 92, khoản 7 Điều 94, khoản 4 Điều 96, khoản 4 Điều 97, khoản 5 Điều 99, khoản 5 Điều 100, khoản 3 Điều 101, khoản 5 Điều 102, khoản 3 Điều 103, khoản 5 Điều 105, khoản 5 Điều 106, khoản 4 Điều 108, điểm c khoản 2 Điều 111 của Luật Địa chất và Khoáng sản.

2. Về cơ sở thực tiễn

Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 29/11/2024, thay thế Luật Khoáng sản năm 2010. Luật có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025 với nhiều nội dung mới liên quan đến năm nhóm chính sách: (01) Chính sách về tài nguyên địa chất, khoáng sản; điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản; (2) Hoàn thiện chính sách về bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản; chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản; (3) Hoàn thiện chính sách về khu vực khoáng sản; (4) Hoàn thiện chính sách trong quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản; (5) Tài chính về địa chất, khoáng sản. Luật đã giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết 63 nội dung, trong đó một số nội dung đã được quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản năm 2010.

Trên cơ sở các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, sau 13 năm, các Bộ, ngành liên quan đã xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 14 Nghị định, 10 Nghị quyết, 12 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và xây dựng ban hành theo thẩm quyền 70 Thông tư. Bên cạnh đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành địa phương trình cấp có thẩm quyền ban hành các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ để triển khai thi hành Luật Khoáng sản. Sau hơn 13 năm tổ chức triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đã đạt được một số kết quả trong công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là đã nâng cao ý thức trách nhiệm trong khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản của các tổ chức, cá nhân; công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản tiếp tục được tăng cường hiệu lực, hiệu quả.

Bên cạnh các kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện các Nghị định trước đây của Chính phủ cũng có những vướng mắc nhất định cần phải được rà soát kế thừa hoặc bổ sung các quy định mới cho phù hợp với Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024 và điều kiện phát triển của kinh tế - xã hội.

Như vậy, để bảo đảm Luật Địa chất và khoáng sản được triển khai thi hành ngay sau khi có hiệu lực, việc xây dựng, ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024 là hết sức cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

- Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

- Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

- Tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, bảo đảm minh bạch; khắc phục các bất cập nhằm quản lý thống nhất lĩnh vực địa chất, khoáng sản; quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả khoáng sản.

- Bảo đảm sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất với pháp luật về tài nguyên địa chất và khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Kế thừa, giữ lại những quy định còn phù hợp tại các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản năm 2010, khắc phục những nội dung chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định pháp luật khác có liên quan. Đồng thời, chỉ quy định chi tiết những điều, khoản mà Luật đã giao cho Chính phủ.

- Các quy định về thủ tục hành chính trong nội dung Nghị định bảo đảm tính rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu và minh bạch.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể là:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản tại Quyết định số 3903/QĐ-BTNMT ngày 04/12/2024 với đại diện của các Bộ (Công an, Quốc phòng, Tư pháp, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch); Văn phòng Chính phủ và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát các Luật, các Nghị định có liên quan và các điều ước quốc tế trong lĩnh vực địa chất khoáng sản mà Việt Nam là thành viên. Trên cơ sở đó đã xây dựng Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Trên cơ sở các quy định của Luật Địa chất và khoáng sản và các báo cáo, Bộ đã tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định.

3. Ngày 30/12/2024, Bộ đã tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập (theo Quyết định số 3903/QĐ-BTNMT ngày 04/12/2024) để thảo luận, góp ý hoàn thiện dự thảo.

4. Ngày, dự thảo 2 của Nghị định đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định (Công văn số..... /BTNMT-KSVN) và gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân

(UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Công văn số...../BTNMT-KSVN).

Ngày....., Công thông tin điện tử của Chính phủ có Công văn sốtheo đó nhận được đóng góp ý kiến của công dân, tổ chức đối với dự thảo Nghị định. Về các ý kiến góp ý, đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nhận được ... ý kiến góp ý bằng văn bản của Bộ, ngành; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và hiệp hội, hội, doanh nghiệp. Trên cơ sở các nội dung góp ý cụ thể, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nghiêm túc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị định (*chi tiết tại Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý kèm theo*).

5. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thiện dự thảo 3 Nghị định.

6. Ngày 28/02/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số..... /BTNMT- KSVN gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo 3 Nghị định để hoàn thiện, trình Chính phủ. Ngày , Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội đồng thẩm định với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị gồm: Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính..... Ngày, Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định tại Báo cáo số...../BCTĐ-BTP.

Về cơ bản, Bộ Tư pháp đồng ý với sự cần thiết ban hành, bố cục và nội dung dự thảo Nghị định. Những ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa trực tiếp vào dự thảo Nghị định (*chi tiết tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản*).

7. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các chuyên gia quốc tế, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo 4 Nghị định, trình Chính phủ xem xét ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định bao gồm 9 chương với 173 điều, cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 5).
- Chương II: Điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản (từ Điều 6 đến Điều 11).
- Chương III: Khu vực khoáng sản (từ Điều 12 đến Điều 30).
- Chương IV: Hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản, chế biến khoáng sản (từ Điều 31 đến Điều 110).
- Chương V: Đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm I, II và III (từ Điều 111 đến Điều 117).

- Chương VI: Quản lý cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biên (từ Điều 118 đến Điều 124).

- Chương VII: Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản (từ Điều 125 đến Điều 132).

- Chương VIII: Tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản (từ Điều 133 đến Điều 156).

- Chương IX: Điều khoản thi hành (từ Điều 157 đến Điều 159).

1. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định

Nghị định quy định chi tiết khoản 3 Điều 4, khoản 2 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 5 Điều 12, khoản 4 Điều 22, khoản 4 Điều 23, khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 29, khoản 2 Điều 30, khoản 10 Điều 33, khoản 5 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 40, khoản 3 Điều 42, khoản 4 Điều 43, khoản 5 Điều 44, khoản 2 Điều 45, khoản 4 Điều 46, điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 47, khoản 3 Điều 48, khoản 5 Điều 49, khoản 2 và khoản 5 Điều 50, khoản 3 Điều 51, khoản 5 Điều 52, khoản 4 Điều 53, khoản 5 Điều 54, khoản 3 Điều 55, khoản 2 Điều 57, khoản 4 Điều 58, khoản 3 Điều 59, khoản 9 Điều 60, khoản 5 Điều 61, khoản 6 Điều 62, khoản 5 Điều 64; khoản 3 Điều 65, khoản 6 Điều 66, khoản 3 Điều 67, khoản 2 Điều 69, khoản 5 Điều 70, khoản 5 Điều 71, khoản 5 Điều 73, khoản 2 Điều 74, khoản 6 Điều 75, khoản 3 Điều 78, khoản 7 Điều 83, khoản 4 Điều 84, khoản 4 Điều 86, khoản 5 Điều 87, khoản 3 Điều 88, khoản 5 Điều 89, khoản 4 Điều 90, khoản 3 Điều 92, khoản 5 Điều 92, khoản 7 Điều 94, khoản 4 Điều 96, khoản 4 Điều 97, khoản 5 Điều 99, khoản 5 Điều 100, khoản 3 Điều 101, khoản 5 Điều 102, khoản 3 Điều 103, khoản 5 Điều 105, khoản 5 Điều 106, khoản 4 Điều 108, điểm c khoản 2 Điều 111 của Luật Địa chất và Khoáng sản.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được kết cấu bao gồm 09 chương với 159 điều, cụ thể như sau:

a) Chương I. Những quy định chung (gồm 05 điều, từ Điều 1 đến Điều 5)

Chương này quy định những nội dung về phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Đối tượng áp dụng (Điều 2); Giải thích từ ngữ (Điều 3); Danh mục khoáng sản theo nhóm (Điều 4); Quy định về trách nhiệm đóng góp kinh phí của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường (Điều 5).

b) Chương II. Điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản (gồm 2 mục, 10 điều, từ Điều 6 đến Điều 11).

Nội dung Chương II gồm 02 Mục gồm các quy định về tham gia điều tra địa chất về khoáng sản Mục 1 quy định các nội dung về: Điều 6. Điều kiện,

quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản (Điều 6) và về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản (Điều 7) và Mục 2 về đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản gồm 4 Điều 8, 9, 10, 11 quy định cụ thể về đăng ký, đăng ký bổ sung và miễn đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan...

c) Chương III. Khu vực khoáng sản (gồm 3 mục, từ Điều 12 đến Điều 30).

Mục 1 (từ Điều 12 đến Điều 15) quy định các nội dung về: Hồ sơ, trình tự khoan định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; Trình phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản; Thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và việc bồi thường thiệt hại khi khu vực đang có hoạt động khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Mục 2 (các Điều 16, Điều 17) quy định các nội dung về: quy mô tài nguyên, trữ lượng khoáng sản để khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; Quy trình, thủ tục khoan định, phê duyệt và công bố khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

Mục 3 (từ Điều 18 đến Điều 30) quy định các nội dung về nguyên tắc, tiêu chí, hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, trình phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; Thành phần hồ sơ điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; Thành phần hồ sơ đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản dự trữ; Trình tự thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; Quy định về thu hồi khoáng sản trong quá trình thực hiện dự án...

d) Chương IV. Hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản, chế biến khoáng sản (gồm 9 mục, 85 điều, từ Điều 31 đến Điều 110).

Mục 1 (từ các Điều 31 đến Điều 56) quy định các nội dung cơ bản về thăm dò khoáng sản nhóm I, II và II, cụ thể gồm các nội dung yêu cầu về năng lực tài chính, thiết bị, nhân sự của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản; việc lựa chọn tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản và chưa xác định chủ đầu tư; nguyên tắc cấp giấy phép thăm dò, việc bổ sung khối lượng thăm dò khi giấy phép đã hết thời hạn; công tác giám sát hoạt động thăm dò khoáng sản; các trường hợp được phép thăm dò mở rộng, xuống sâu; quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, chuyển nhượng giấy phép thăm dò khoáng sản; việc thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng; thăm dò khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; quyền ưu tiên nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và Hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản.

Mục 2 (từ các Điều 56 đến Điều 61), quy định việc thẩm định, phê duyệt

báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng trong báo cáo thăm dò khoáng sản, bao gồm các nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận kết quả thăm dò khoáng sản; giao nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; nội dung thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng trong báo cáo thăm dò khoáng sản và nội dung về thẩm quyền công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

Mục 3 (từ các Điều 62 đến Điều 81) quy định về khai thác khoáng sản nhóm I, II và III gồm các nội dung: yêu cầu về năng lực tài chính, thiết bị, nhân sự của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác khoáng sản chiến lược, khoáng sản quan trọng, khoáng sản độc hại, phóng xạ; quy định về ranh giới khu vực khai thác khoáng sản; nguyên tắc cấp giấy phép khai thác khoáng sản; cách thức thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản; việc thăm dò, khai thác khoáng sản đi kèm và hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

Mục 4 (từ các Điều 82 đến Điều 85) quy định về an toàn, vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản, gồm các nội dung về: Nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản; hệ thống thiết bị, phương tiện sử dụng trong khai thác khoáng sản; đội ngũ ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách trong khai thác khoáng sản và chế độ báo cáo về tai nạn lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động trong khai thác khoáng sản.

Mục 5 (gồm Điều 86, Điều 87) quy định các nội dung về thiết kế cơ sở, thiết kế mỏ và đối tượng phải có thiết kế cơ sở, thiết kế mỏ trong hoạt động khai thác khoáng sản.

Mục 6 (từ các Điều 88 đến Điều 96) quy định các nội dung về khai thác tận thu khoáng sản, gồm các nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục thẩm định, cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mục 7 (từ các Điều 97 đến Điều 105) quy định về khai thác khoáng sản nhóm IV gồm các nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại, thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; việc xử lý khoáng sản nhóm IV dôi dư; việc bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ đối với hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV.

Mục 8 (các Điều 106, 107 và 108) quy định các nội dung về các trường hợp thu hồi khoáng sản, thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; hồ sơ, trình tự, thủ tục xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản, thẩm quyền xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản.

Mục 9 (các Điều 109, Điều 110) gồm các quy định chung về chế biến khoáng sản và quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân chế biến khoáng sản.

đ) Chương V. Đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm I, II và III (từ Điều 111 đến Điều 117).

Chương này quy định những nội dung về: Nội dung thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; việc phê duyệt, điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản; quản lý, bảo vệ công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

e) Chương VI. Quản lý cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển (từ Điều 118 đến Điều 124).

Chương này quy định những nội dung về nội dung, cách thức quản lý cát, sỏi lòng sông trong quy hoạch vùng, việc quan trắc, đánh giá mức độ bồi tụ khu vực khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển; việc thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng hồ, thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển trên địa bàn vùng giáp ranh; nội dung giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển; quy định quản lý về bến, bãi tập kết, phương tiện vận chuyển cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển.

g) Chương VII. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản (từ Điều 125 đến Điều 132).

Chương này quy định những nội dung về việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản; việc giao nộp báo cáo, tài liệu, mẫu vật; việc cung cấp, khai thác, sử dụng sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản; cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản; nghĩa vụ tài chính khi khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

h) Chương VIII. Tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản (gồm 3 mục, từ Điều 133 đến Điều 156).

Mục 1 (từ các Điều 133 đến Điều 137) quy định về phương pháp xác định, phương thức hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản, gồm các nội dung về trình tự, thủ tục xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư; thành phần, chức năng, tổ chức của hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; phương thức hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư; chế độ thu, quản lý và sử dụng tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư và việc hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân.

Mục 2 (từ các Điều 138 đến Điều 149) quy định về phương pháp xác định, phương thức thu, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, gồm các nội dung về: thẩm quyền xác định, phê duyệt, điều chỉnh, quyết toán, phương thức

tu, gia hạn tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; quy định cụ thể về công thức, các hệ số trừ lượng, giá tính tiền trong công thức tính tiền cấp quyền; cơ quan quyết toán, thời gian quyết toán, hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; việc phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và việc quản lý, sử dụng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Mục 3 (từ các Điều 150 đến Điều 156) quy định về khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gồm các nội dung: tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; việc lập, phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản; phương pháp xác định tiền đặt trước; thành phần hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá; việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trước khi tham gia đấu giá và lộ trình thực hiện; việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã xác định có từ 02 loại khoáng sản trở lên và Trình tự, thủ tục phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

i) Chương IX. Điều khoản thi hành (các Điều 157, 158 và 159).

Chương này quy định những nội dung về: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Điều 157); Điều khoản chuyển tiếp (Điều 158); Điều khoản thi hành (Điều 159).

Dự thảo Nghị định không có quy định nào tạo ra sự phân biệt về giới và nội dung quy định trong dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế có liên quan về quyền con người (công ước CEDAW) mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Ngoài ra, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát các văn bản pháp luật có liên quan, các điều ước quốc tế có liên quan đến tài nguyên khoáng sản mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Qua đánh giá, rà soát cho thấy, nội dung của dự thảo phù hợp với Luật Thủy lợi, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Quy hoạch, Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Di sản văn hoá, Luật Đa dạng sinh học, đồng thời cũng phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Nguồn nhân lực để bảo đảm cho việc thi hành Nghị định sau khi được thông qua là lực lượng cán bộ, công chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản hiện có của Bộ Tài nguyên và Môi trường, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan.

Nội dung Nghị định có quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục liên quan đến khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chủ yếu liên quan đến trách nhiệm tổ chức thực hiện của các địa phương và từ nguồn ngân sách của địa phương.

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm do Bộ Tài chính cân đối, phân bổ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ ngành và

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ yếu cho việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn triển khai nội dung Nghị định.

VI. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Ngày, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số/BTNMT-KSVN gửi hồ sơ dự thảo Nghị định đến Bộ Tư pháp thẩm định. Ngày, Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội đồng thẩm định với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị gồm: Ngày, Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định tại Báo cáo số/BCTĐ-BTP.

Về cơ bản, Bộ Tư pháp đồng ý với sự cần thiết ban hành, bố cục và nội dung dự thảo Nghị định. Những ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa trực tiếp vào dự thảo Nghị định (*chi tiết tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định*).

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định.

(Hồ sơ gửi kèm theo gồm: dự thảo Nghị định; Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức có liên quan; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Bản sao ý kiến góp ý của các bộ, các địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, VP, PC, KSVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quý Kiên